

Chuyên đề: NGỤC TRUNG NHẬT KÍ

Đề 1: **Phân tích “Ngắm trăng” của Hồ Chí Minh**

Phiên âm chữ Hán: VỌNG NGUYỆT

*Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà;
Nhân hưởng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi ca.*

Dịch:

NGẮM TRĂNG

*Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Tựa nhan đề bài thơ đã nói lên thái độ thắm mỹ trước cuộc sống: “vọng nguyệt”. Sao nhà thơ đã không chọn cho mình một đối tượng khác để hưởng vọng, mà lại chọn vầng trăng? Sao giữa chốn tù ngục này, nơi ngự trị của bóng tối, quyền lực và tội ác này, chính vầng trăng chứ không phải cái gì khác, đã trở thành một cứu cánh cho nhà thơ tìm đến để gửi gắm sự đồng cảm và niềm say mê? Hưởng tới vầng trăng là hưởng về ánh sáng, sự trong trẻo, sự cao thượng, sự tĩnh lặng, sự thanh thản và tự do. Thái độ thắm mỹ này còn đồng thời nói lên một cách sống: cho dù cuộc đời có ra sao, con người vẫn có thể vượt lên trên hoàn cảnh để sống, sống thanh thản, lạc quan, sống bằng cái đẹp của cuộc sống và với ý nghĩa tốt đẹp của từ “*sống*”. Có một câu danh ngôn nào đó cũng nói đến tinh thần lạc quan này: “ Trong một nhà tù, có hai người tù cùng đứng vịn tay vào song sắt; một người chỉ thấy bốn bức tường trơn trợt , còn một người ngửa mặt lên trời ngắm những vì sao.”

Nói như thế không có nghĩa là thoát ly hoàn cảnh. Người tù rất có ý thức về hoàn cảnh của mình, nhất là khi hoàn cảnh ấy đã trở nên rất nghiệt ngã:

Trong tù không rượu cũng không hoa.

Mở đầu bài thơ bằng hai tiếng “*trong tù*” (ngục trung) nhà thơ đã ý thức một cách đầy đủ về sự nghiệt ngã của hoàn cảnh ấy. “*Trong tù*”, ấy là nơi mà người ta bị tước đoạt hết mọi tài sản, mọi quyền sống, kể cả quyền giữ tính mạng của mình. Trong tù, ấy là nơi mà người ta phải chịu mọi thứ đọa đày, mọi thứ khổ ải, nơi người ta phải sống trong một kiểu sinh hoạt hoàn toàn xa lạ với con người (nguyên văn: “*phi nhân loại sinh hoạt*”, từ ngữ mà chính nhà thơ đã dùng trong một bài thơ đầu tập *Nhật ký trong tù*). Ấy thế mà giữa bao nhiêu nỗi khổ ấy, bao nhiêu thiếu thốn ghê gớm ấy của nhà tù, trong bài thơ này, nhà thơ lại chỉ nhắc đến một nỗi khổ: *Không rượu cũng không hoa*. Tại sao thế? Thì ra, đối với người tù này, mọi thiếu thốn và đày ải kia không có gì là đáng kể. Đã dám làm cách mạng tức là đã chấp nhận có những lúc gian lao đọa đày như thế rồi! Nhưng lúc này, người tù không còn là người tù nữa, mà là một nhà thơ và nhà thơ ấy đang đối diện với vầng trăng ngoài kia. Cái thiếu ấy là cái thiếu cho một nhà thơ, chứ không là cái thiếu cho một người tù. Xưa nay, có nhà thơ nào ngắm trăng mà lại không cần đến rượu, chí ít cũng có hoa. Có rượu để thêm một chút men nồng, đã có thể cất chén cùng trăng đối ẩm. Có hoa để nhận ra ánh trăng sáng tỏ, lung linh. Chẳng thế mà thi hào Lí Bạch đã từng:

Cất chén mời trăng sáng.

Còn Nguyễn Du thì ca ngợi:

Khi chén rượu, khi cuộc cờ

Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.

Chính tác giả *Nhật ký trong tù*, mấy năm sau, trong hoàn cảnh tự do, đã thấm thía hết sức cái đẹp của cảnh:

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

Nhưng nói “*không rượu cũng không hoa*” là để nói cho hết cái không thuận lợi của hoàn cảnh, chứ không phải để vịn vào hoàn cảnh mà đổ lỗi cho nó. Hoàn cảnh khách quan thì vậy song chủ quan nhà thơ thì lại khác:

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ

Nguyên văn: *Đối thử lương tiêu nại nhược hà*, dịch nghĩa là: Trước đêm lành như đêm nay, biết làm sao được? Về hình thức, câu thơ này hình như chỉ ca ngợi đêm trăng đẹp. Trăng đẹp quá, đẹp đến nỗi, dẫu trong hoàn cảnh khó khăn đến thế, bị tù đầy như thế, thiếu thốn như thế, con người cũng không thể nào không nhận ra vẻ đẹp ấy, không thể nào không yêu, không say mê vẻ đẹp ấy. Thật ra đó chỉ là một cách nói. Trong đời, thiếu gì lắm kẻ đứng trước những vẻ đẹp tuyệt vời của trời đất mà lòng vẫn đứng đưng như không. Cảnh muốn đẹp phải có lòng người biết nhận vẻ đẹp. Cho nên câu thơ trên chính là cung đàn ngân vang lên từ cõi tâm hồn sâu thẳm của nhà thơ khi ánh trăng kia vừa chạm tới. Tâm hồn ấy nghệ sĩ biết bao, rộng mở với vẻ đẹp của đất trời biết bao, tinh tế và nhạy cảm biết bao. Tâm hồn ấy cũng mạnh mẽ, bất khuất biết bao! Nhà tù, xiềng xích, có thể giam cầm cùm trói được ai kia, chứ làm sao có thể cùm trói, giam hãm được tâm hồn của người nghệ sĩ tuyệt vời này? Cửa sắt của nhà tù tự nó phải mở ra, xiềng xích tự nó phải đứt tung. Tâm hồn con người này đồng điệu với vầng trăng kia biết bao, cho nên tìm đến trăng là phải.

Giờ đây, còn lại một nhà thơ đối diện với một vầng trăng:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Người ngắm trăng và trăng ngắm người: bởi không chỉ người nhìn thấy trăng là bạn mà trăng cũng tìm ra người bạn ở người. Câu thơ, trong nguyên văn chữ Hán, đã tạo nên một bức tranh đẹp kỳ lạ:

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,

Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Giữa *nhân* và *nguyệt* hình như có một vật cản là “*song*” (cửa sổ) nhưng ở đây cái vật cản ấy lại trở thành một phụ họa, kẻ dẫn đường cho “*nhân*” và “*nguyệt*” tìm đến với nhau, đồng cảm với nhau, trong cùng một hành động: *khán* (nhìn). Phép đối của thơ Đường luật gò bó ở đâu không biết, chứ ở hai câu thơ này thì đã tỏ ra đầy hiệu quả thẩm mỹ. Không còn ranh giới giữa người với trăng nữa, hồn người vút lên trăng, ánh trăng tỏa xuống người, người là trăng mà trăng cũng là người, trăng cũng mê say như người và người cũng tỏa sáng như trăng: ở hai phía cửa sổ là hai con người; ở hai phía cửa sổ cũng là hai vầng trăng.

Yêu thiên nhiên đến độ đồng cảm với thiên nhiên, ấy đã là một tình yêu lớn. Nhưng yêu trăng đến độ hòa nhập với trăng như thế, ấy là đã vượt ra khỏi độ thương tình của tình yêu, ấy là tình yêu chỉ những nhân cách thực sự thanh cao mới có.

Bài thơ mở bằng “*trong tù*” nhưng đóng lại bằng “*thi gia*”. Trong ngục mà không có người tù, lại chỉ có nhà thơ. Cách đóng lại thật bất ngờ và thú vị. Bất ngờ nhưng hợp lẽ và

hợp tình. Bởi với một tình cảm như thế, một tâm hồn như thế, quả không nhà tù nào còn có nghĩa nữa.

Tình cảm ấy, nhân cách ấy thật là một thứ thép quý mà không một thứ độc tố nào, một thứ bùn nhơ nào trong cuộc đời có thể làm mờ đục được, hoen ỉn được. “Vọng nguyệt” chính là một trong những bài thơ “*mang chất thép, mà không lên giọng thép*” vậy.

Đề 2: Phân tích bài thơ “Cảnh chiều hôm” của Hồ Chí Minh.

*** Dàn bài chi tiết**

- *Cảnh chiều hôm* là bài thơ hay có một phong cách riêng độc đáo. Có thể nói đa số các bài thơ trong tù được xây dựng và cấu tứ từ chất liệu hiện thực trực tiếp của cảnh tù đây. Riêng trong bài *Cảnh chiều hôm* cái thực quyện hòa với cái ảo, trí tưởng tượng của nhà thơ đã xây dựng một tứ thơ sáng tạo với nhiều ý phong phú và kín đáo. Nhận xét về bài thơ, Xuân Diệu viết: “Có những câu có thể coi là quá giản dị nhưng tại sao tôi đọc đi đọc lại vẫn cứ thấy một cái gì trong đó mà mình rút chưa hết, ví dụ như bài *Cảnh chiều tối: Hoa hồng nở rồi rụng*”.

- Trong *Nhật kí trong tù*, tác giả ít có điều kiện nói về các loài hoa. Người yêu vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật trong đó có vẻ đẹp của hoa. Trên đường bị áp giải, hương hoa của đồng nội, rừng núi có sức hấp dẫn riêng:

“Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng,
Vui say, ai cấm ta dừng,
Đường xa, âu cũng bớt chùng quạnh hiu”

(Trên đường)

Bông hồng là đóa hoa duy nhất nở trong cảnh ngục tù. Sau này trong những bài thơ ở rừng Việt Bắc. Người có nhiều điều kiện nói về các loài hoa hơn, những bông hoa đẹp của rừng núi trong đêm trăng:

“Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”

rồi hoa nở bên bàn làm việc:

“Phê văn hoa núi ghé nghiên soi”

Bài thơ *Cảnh chiều hôm* mở đầu bằng ý thơ: “Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng”. Hoa tượng trưng cho cái đẹp của thiên nhiên tạo vật nhưng cái đẹp của hoa thường không bền vững. Hoa nở rồi tàn phải chăng ý thơ nói lên sự trôi chảy của thời gian.

Hiện tượng thiên nhiên đó đã gợi bao cảm xúc ở các nhà thơ. Thương tiếc cho những kiếp hoa sớm nở rồi tàn thường là chủ đề quen thuộc của thơ ca cổ kim Đông Tây. Đỗ Phủ trong bài *Khúc Giang* đã viết:

“Nhất phiến hoa phi giảm khước xuân
(Một cánh hoa rơi làm giảm về xuân)

Trong bài thơ *Xuân về*, Lưu Trọng Lư viết:

“Vườn sau oanh giục già
Nhìn ra hoa đua nở
Rồi ngày lại ngày
Sắc màu phai
Lá cành rụng”

Xuân Diệu than thở:

“Ở nhĩ sao hoa lại phải rơi”

(Ý thu)

Trong ý bao quát của những câu thơ đầu, Hồ Chí Minh như muốn nói lên sự cảm thông và xót xa với cảnh hoa tàn, cái đẹp thường gặp phải sự thờ ơ, lạnh nhạt, tạo hoá như vô tình với kiếp hoa nở rồi tàn. Gắn liền với điều kiện xã hội cụ thể và khung cảnh của nhà tù lại càng thấy số phận như nghiệt ngã hơn. Nhà tù không có đất cho sự nảy nở của những gì tốt đẹp, cái đẹp càng trở nên cô đơn, không tìm thấy sự gặp gỡ tri kỉ nào:

“Hương hoa bay thấu vào trong ngục

Kể với tù nhân nổi bất bình”.

Hoàn cảnh đã đẩy sự việc đến tình thế khốn cùng, chán nản. Tác giả đã nhân hóa và bông hoa có tiếng nói sâu sắc hơn. Trong bài thơ bông hồng trở thành đối tượng chính để cảm nhận, để luận bàn. Tứ thơ đã phát triển qua những tưởng tượng bất ngờ và sáng tạo. Có lẽ nào giữa cảnh trời đất này cái đẹp lại không tìm thấy người tri kỉ. Và quả là *“đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”*, bông hoa không đến được qua nâng niu tay cầm và làn hương đã tìm đến người tri kỉ trong cảnh ngục tù. Người chiến sĩ cách mạng đang đấu tranh cho tự do cũng chính là người biết bảo vệ cái đẹp và thấu hiểu những nỗi niềm của bông hoa hương sắc, bài thơ có cấu tứ lạ. Sự phát triển của tứ thơ hoàn toàn dựa vào những tưởng tượng giàu chất thơ. Có thể nói bản chất thi sĩ bộc lộ rất rõ qua sáng tác này.

- Bài thơ có hai hình ảnh: Bông hồng và người chiến sĩ cách mạng. Hai đối tượng cũng có mối tương đồng về cảnh ngộ và phẩm chất. Bông hồng hương sắc rơi vào cảnh cô đơn và bị cuộc đời lạnh nhạt vô tình. Người chiến sĩ cách mạng phải chịu cảnh ngục tù. Phải chăng người chiến sĩ cách mạng cũng như bông hồng hương sắc đang chịu cảnh phai tàn dần trước thời gian đang trôi qua một cách ồ ạt?

(Theo Đề thi tuyển sinh và hướng dẫn làm bài thi-NXB Giáo dục, 1994)

Đề 3: Phân tích bài thơ “Mới ra tù, tập leo núi” của Hồ Chí Minh

*** Dàn bài chi tiết**

Bài thơ “Mới ra tù, tập leo núi không nằm trong Nhật kí trong tù. Hồ Chí Minh viết bài này khi đã được giải thoát khỏi cảnh tù đầy. Bài thơ được viết bên rìa tờ báo cùng với mấy hàng chữ *“Chúc chú huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên”* và gửi về cho các đồng chí ở nhà đang ngày ngày chờ mong tin tức Bác và lại được tin Bác đã mất trong ngục. Bài thơ đã mang lại cho các đồng chí niềm vui lớn: Người vẫn còn sống, đã ra tù và lại chuẩn bị bước vào chặng đường hoạt động mới.

Sau khi ở tù ra sức khỏe của Người bị giảm sút hẳn. Tác giả *Vừa đi đường vừa kể chuyện đã viết*: “Khi được thả ra, mắt Bác nhìn kém, chân bước không được, Bác quyết tâm tập đi mỗi ngày mười bước dù đau mà phải bò, phải lết cũng phải mười bước mới thôi. Cuối cùng, Bác chẳng những đi vững, mà còn trèo được núi. Lần đầu tiên lên đỉnh núi Bác cao hứng làm một bài thơ chữ Hán”.

Bài thơ *Mới ra tù, tập leo núi* được làm trong hoàn cảnh đó. Chuyện leo núi của Bác nhằm mục đích rèn luyện ý chí và thân thể để tiếp tục hoạt động. Chủ đề của bài thơ *Mới ra tù, tập leo núi* không nhằm hướng vào chủ đề vượt khó như một số bài thơ đi đường khác mà chủ yếu là bộc lộ tình cảm nhớ thương với đất nước, với đồng chí bạn bè.

“Núi ấp ôm mây, mây ấp núi!”

Hình tượng mây núi được biểu hiện qua hai hình ảnh gắn bó: núi ấp ôm mây, mây ấp núi như tình cảm đồng chí bạn bè yêu thương nhau.

Hình tượng mây núi ở đây không hàm ý ám chỉ cục diện chính trị tăm tối mù mịt ở Trung Quốc vào những năm 40 như có ý đã giải thích.

Sau gần 14 tháng xa đất nước. Người rất nóng lòng chờ tin tức bên nhà:

*“Năm tròn cố quốc tâm hơi vắng
Tin tức bên nhà bữa bữa trông”*

(Tức cảnh)

Nhớ đất nước, bạn bè Người cũng muốn giải bày kín đáo phần nào tấm lòng của mình:

“Lòng sông gương sáng bụi không mờ”.

Đứng trên đỉnh núi cao nhìn xuống dòng sông, lòng sông như gương nước trong không chút bụi mờ. Thiên nhiên cũng có những khoảnh khắc, những trạng thái thanh khiết như chính tấm lòng Người trong cảnh ngộ đó. Tình cảm của Người vẫn trước sau một lòng một dạ trung thành với cách mạng, với nhân dân. Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai nhận xét: “Đằng sau bức tranh phong cảnh này, đằng sau những tầng lớp mây núi trập trùng, đằng sau dòng nước sông trong dưới chân Tây Phong Lĩnh, ẩn tượng không bao giờ phai nhạt trong tâm hồn của độc giả chính là tâm trạng vừa trong trắng sâu sắc, vừa cao cả của con người”.

Thiên nhiên ở đây đã góp phần biểu hiện tình cảm sâu kín của con người.

*“Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh
Trông lại trời Nam nhớ bạn xưa”*

Tình bạn vẫn là một tình cảm cao đẹp nằm trong chủ đề quen thuộc nhớ bạn (ức hũ) được biểu hiện trong *Nhật kí trong tù*:

*“Ngày đi bạn tiễn đến bên sông
Hẹn bạn về khi lúa đã đồng;
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người, tôi vẫn chốn lao lung”*

(Nhớ bạn)

Tình cảm nhớ bạn trong bài *Mới ra tù, tập leo núi* được bộc lộ trong hoàn cảnh tác giả đã được tự do. Trong lòng Người lúc này có cả niềm vui, nỗi buồn. Niềm vui của một chiến sĩ cách mạng giữ vững lòng trung kiên qua những thử thách của cảnh tù đầy, niềm vui và hy vọng được gặp lại bạn bè. Nhưng dù sao Người đang còn trong cảnh ngộ xa đất nước, xa bạn bè nên không tránh khỏi cảnh buồn vắng cô đơn. Trước mắt, là một chặng đường hoạt động mới mà Người chuẩn bị tinh thần để tham gia với lòng quyết tâm. Bao nhiêu cảm xúc bồi hồi xao xuyến trong lòng người chiến sĩ cách mạng.

“Có ai ngờ giữa cảnh thiên nhiên hùng vĩ và trong trẻo ấy con người đương một mình dạo bước trên đỉnh núi kia với cái phong thái rất tiên phong đạo cốt lại là một chiến sĩ cộng sản của thời đại chúng ta đang chuẩn bị để bước vào một cuộc chiến đấu sống chết với kẻ thù” (Hoài Thanh)

Đề 4: ***Phân tích bài “Mộ” (Ngục trung nhật ký của Hồ Chí Minh)***

* Bài làm

Văn – ngục trung nhật ký – TLLT Vĩnh Viễn 180

Hồ Chí Minh bị bắt ngày 19/8/1942 tại phố Túc Vinh thuộc Trấn Thiên Bảo, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Sau đó, chính quyền Tưởng Giới Thạch giải Người ngược trở lại biên giới để giam giữ tại nhà ngục huyện Tĩnh Tây; đúng ngày quốc khánh Trung Hoa cũ (10/10). Hồ Chí Minh lại bị “*giải vãng Thiên Bảo Ngục*”. Trên đoạn đường trên dưới 100km từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo, Người phải đi bộ trong hai ngày. Tuy vậy, Hồ Chí Minh vẫn tức cảnh sinh tình, sáng tác ba bài thơ: “*Tẩu lộ*” (Đi đường); “*Mộ*” (Chiều tối); “*Dạ túc Long tuyên*” (Đêm ngủ ở Long Tuyên); đó là chưa kể đến bài “*Sơ đáo Thiên Bảo Ngục*”(Mới đến nhà lao Thiên Bảo). Trong các bài thơ sáng tác trên đường này, bài “*Mộ*” được xem là áng thơ tuyệt bút.

MỘ

*Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng.*

Dịch thơ:

CHIỀU TỐI

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết lò than đã rực hồng.*

Qua vài nét chấm phá, hai câu đầu của bài thơ đã để lại một tiểu họa về cảnh thiên nhiên vùng sơn nước ở thời điểm “*chiều tối*”. Những buổi chiều như vậy, đâu có thiếu trong văn chương cổ kim; nhưng nếu cảnh ấy qua cái nhìn của một Lý Bạch tiêu diêu, một Khuất Nguyên u uất chắc chắn sẽ đầy ảm đạm, thê lương. Còn ở đây, nếu không rõ xuất xứ, nhiều người sẽ lầm tưởng “*Mộ*” là bài thơ của thời Thịnh Đường. Có người nhận xét cảnh thiên nhiên chiều tối trong bài “*Mộ*” có cái gì ảm áp, thậm chí có niềm vui nữa ở hình ảnh “*chim bay về tổ*”; vì nó sẽ được nghỉ ngơi trong tổ ấm của một vòm cây nào đó. “*Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ*” khác với “*Chim bay về tổ*”. Nhìn lên trời, Hồ Chí Minh nhận ra vẻ mệt mỏi, uể oải của cánh chim. Cái nhìn ấy thể hiện tình cảm nhân ái bao la của Người đối với cảnh vật. Cánh chim trong thơ Bác gợi nhớ cánh chim qua ánh mắt nàng Kiều trong thơ của đại thi hào Nguyễn Du:

“*Chim hôm thoi thóp về rừng*”

Cánh chim trong thơ Vương Bột, Lý Bạch, Nguyễn Du... thường bay về chốn vô tận vô cùng, vô định, gợi cảm giác xa xăm, phiêu dạt, chia lìa. Ngược lại, cánh chim trong thơ Hồ Chí Minh là cánh chim đang tìm về với sự sống thường ngày. Nhờ vậy, mà nó có hồn và nhuộm đầy tâm trạng hơn.

Cùng với “*Quyện điểu quy lâm*”, là “*Cô vân mạn mạn*”. Bài thơ dịch khá uyển chuyển, nhưng đã làm mất đi vẻ lẻ loi, trôi nổi, lững lờ của đám mây. Người dịch đã bỏ sót chữ “*cô*” và chưa thể hiện được hết nghĩa của hai từ láy “*mạn mạn*”. Câu thơ dịch:

“*Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không*”

đễ khiến người đọc nghĩ đến cái nhìn của một du khách. Phải chăng, vì quá tin vào bản dịch mà ai đó nói cảnh thiên nhiên trong “*chiều tối*” là một cảnh vui. Hình ảnh “*Cánh chim mỏi về rừng tìm cây ngủ*”, tìm một chỗ ngủ tạm qua đêm, và chòm mây lẻ loi, trôi lững lờ gợi một

khung cảnh thiên nhiên hoang vắng nhưng không ảm đạm, đượm buồn nhưng không thê lương, rộng lớn mênh mông nhưng đâu có “*xanh trong thì vị*” ... cảnh ấy, tương đồng với tâm trạng của người bị giải. Về đẹp của bài thơ là ở chỗ: Tác giả không để lộ cái mệt mỏi, cô đơn của chính mình. Với Hồ Chí Minh mọi nỗi buồn niềm vui dường như đều gắn liền với dân tộc, nhân dân mà ít khi phụ thuộc vào cảnh ngộ riêng của Người.

Thơ tứ tuyệt thường bắt ngờ ở câu chuyển, bắt ngờ mà vẫn phải tự nhiên, hợp lý, liền mạch. Nổi bật lên trên không gian chiều tối, sâu lắng, tĩnh lặng là hình ảnh con người:

Son thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn lộ dĩ hồng

“*Son thôn thiếu nữ*” dịch là “*Cô em xóm núi*” đứng trên bình diện nghĩa của từ thì không có gì sai. Nhưng câu thơ dịch đã không thể hiện được cái nhìn trân trọng của nhân vật trữ tình đối với con người; giọng điệu trang trọng của câu thơ nguyên tác không hiện diện trong lời thơ dịch (mà nhiều khi giọng điệu còn quan trọng hơn cả cái miêu tả). Người phụ nữ đã nhiều lần có mặt trong thơ chữ Hán, nhưng phần lớn họ đều thuộc giới thượng lưu hoặc chí ít cũng gần gũi với giới thượng lưu. Không rõ trước Hồ Chí Minh đã có một “*son thôn thiếu nữ*” thực sự là người lao động bước vào thế giới của nàng thơ hay chưa? Chỉ biết rằng việc đặt hình ảnh “*son thôn thiếu nữ*” ở vị trí trung tâm của bức tranh phong cảnh chiều tối đã làm cho bức tranh thiên nhiên trở thành bức tranh về cuộc sống con người. Sự chuyển đổi ấy thể hiện một khuynh hướng vận động của hình tượng thơ và quan điểm nhân sinh của Bác. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, Hồ Chí Minh cũng gắn bó với cuộc sống con người nơi trần thế đặc biệt là cuộc sống nhân dân lao động.

Về mặt nghệ thuật, ở hai câu thơ kết, người đọc thấy nhà thơ dường như không tả, ngòi bút của Người chỉ ghi nhận một cách khách quan “*những điều trông thấy*” trong cảnh chiều tối. Điệp ngữ liên hoàn “*ma bao túc*” nối liền dòng thơ thứ ba với dòng thơ kết đã góp phần diễn tả được cái vòng quay liên tục, đều đặn của động tác xay ngô. Điều đáng tiếc là bài thơ dịch đã không thể hiện được điều ấy. Để cảm thụ giá trị tiết điệu của câu thơ, không thể không tiếp xúc với phần phiên âm chữ Hán.

Son thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn lộ dĩ hồng

Vòng quay của chiếc cối chày dẹt, công việc kết thúc (bao túc ma hoàn) thì lò than cũng vừa đỏ (lộ dĩ hồng), ánh lửa đỏ ảm nồng xuất hiện thật bất ngờ, tỏa sáng vào đêm tối. Tài hoa của Hồ Chí Minh là ở chỗ tả cảnh thiên nhiên, tả cảnh chiều tối mà Người không phải dùng đến một tính từ chỉ thời gian nào. Người dùng ánh lửa đỏ để thể hiện thời gian đã tối (trời có tối, lò mới rực hồng). Hơn nữa, người đọc còn cảm nhận được bước đi của thời gian từ chiều đến tối. Cô gái xay ngô từ khi trời còn ánh sáng; xay xong thì trời đã tối. Phải chăng Hồ Chí Minh đã có một phát hiện mới trong bút pháp tả thời gian. Rõ ràng, ngay cả khi tả cảnh chiều tối, thơ Hồ Chí Minh vẫn có sự vận động từ bóng tối ra ánh sáng. Người đọc cảm thấy không hài lòng khi dịch giả thêm vào câu chuyển một từ “*tối*”. Nhìn bề ngoài việc thêm vào như vậy có vẻ như vô thưởng, vô phạt; nhưng nghĩ sâu xa thì chính chữ ấy đã phá vỡ một qui luật vận động lớn trong thơ Hồ Chí Minh và không bộc lộ hết tài năng của Người. Chữ “*hồng*” rất xứng đáng là “*ông thánh thứ hai mươi tám*” của bài thơ. Trong “*Ngục trung nhật ký*” có bao nhiêu chữ “*hồng*” như vậy? Chữ “*hồng*” là nơi hội tụ, kết tinh ánh sáng của toàn bài, là hình ảnh của sự sống thương nhật và niềm vui lao động.

Buổi chiều tối rực ánh hồng ở bài “Mộ” là buổi chiều tối không để gì lặp lại lần thứ hai trong thơ, ánh hồng ấy không chỉ tỏa ra từ chiếc bếp lửa bình dị của một “*son thôn thiếu nữ*” mà chủ yếu được tỏa ra từ tấm lòng nhân ái, tinh thần lạc quan của Hồ Chí Minh. Niềm vui của chúng ta khi đọc “Mộ” nói riêng và thơ Bác nói chung là niềm vui của người được tiếp nhận ánh sáng lấp lánh của chất thép kì diệu thể hiện trong từng câu, từng chữ của bài thơ.

Đề 5: *Thơ Nhật kí trong tù đậm đà màu sắc cổ điển, mà vẫn thể hiện sáng ngời tinh thần thời đại. Hãy giải thích vì sao như vậy và phân tích bài thơ “Mới ra tù, tập leo núi” của Bác để làm sáng tỏ hai vẻ đẹp đó.*

* **Dàn bài chi tiết**

I. MỞ BÀI:

Một trong những nét nổi bật của phong cách thơ Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa vẻ đẹp cổ điển và vẻ đẹp hiện đại. Điều này được thể hiện rõ trong bài thơ *Mới ra tù, tập leo núi* in cuối tập thơ *Nhật kí trong tù* của Bác.

II. THÂN BÀI:

A. Giải thích

1/ Bác là người phương Đông, mang trong mình truyền thống phương Đông rất đậm (yêu thiên nhiên, khoáng đạt với cái thú lâm tuyền, thú điền viên của những tâm hồn thanh khiết), lại am hiểu thơ Đường, giỏi chữ Hán, nên thơ Bác đậm đà màu sắc cổ điển giống như Đường thi, Tống thi xưa.

2/ Nhưng thơ Bác lại không phải là thơ xưa bởi Bác là một hồn thơ cách mạng mang tinh thần “*thép*”. Đó là chỗ khác thơ xưa, đồng thời cũng là chỗ hơn thơ xưa, thơ Bác sáng ngời tinh thần thời đại, nó là tiếng thơ của một chiến sĩ cộng sản vĩ đại.

3/ Hai vẻ đẹp cổ điển và hiện đại trong thơ Bác không tách rời nhau mà kết hợp hài hòa với nhau để làm nên vẻ đẹp riêng độc đáo của phong cách thơ Hồ Chí Minh.

B. Chứng minh:

Hai vẻ đẹp cổ điển và hiện đại đã được bộc lộ trong bài thơ *Mới ra tù, tập leo núi*.

1/ Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ: Thể hiện ở những điểm sau đây:

- Đề tài bài thơ: Lên núi, nhớ bạn (*dăng sơn ức hữu*) là hai đề tài phổ biến và ưa thích của thơ ca cổ điển Trung Quốc và Việt Nam. Hai đề tài ấy đều có ở bài thơ này (“*học dăng sơn*”, “*ức cố nhân*”).

- Điểm nhìn thiên nhiên: nhìn từ cao, từ xa, bao quát cả một không gian rộng lớn, gồm cả trời mây, non nước.

- Bút pháp miêu tả thiên nhiên: phóng bút ghi bằng vài nét chấm phá vẻ đẹp tiêu biểu và linh hồn của tạo vật. Một nét vẽ mây và núi, gợi tả vẻ đẹp hùng vĩ của núi cao; một nét vẽ dòng sông trắng xóa chảy dưới chân núi, phản chiếu ánh trời như một tấm gương phẳng và sáng trong. Hai nét vẽ cân đối hài hòa gồm được cả cao sơn lưu thủy. Bức tranh thiên nhiên ở đây đẹp như những bức tranh thiên nhiên trong thơ xưa.

- Nhân vật trữ tình: màu sắc cổ điển còn thể hiện ở hình ảnh nhân vật trữ tình với phong thái ung dung nhàn tản đi giữa trời mây non nước, phong thái của một nhà hiền triết thời xưa, gợi nhớ Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, Nguyễn Bỉnh Khiêm ở Bạch Vân am:

Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh

Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa

2/ Vẻ đẹp hiện đại của bài thơ: Bài thơ sáng ngời tinh thần thời đại, thể hiện ở những điểm sau đây:

a. Lòng yêu nước thiết tha và tâm hồn sáng trong của nhà thơ:

- Bài thơ được gửi về nước kèm theo mấy chữ vắn tắt: “*Ở bên này bình yên*”. Ý nghĩa ngụ ý nhấn tin ấy đã nói lên lòng yêu nước, mong mỗi được về ngay với các đồng chí để tiếp tục hoạt động cách mạng của Bác.

- Lòng yêu nước và tâm hồn sáng trong của Bác còn được bộc lộ rất rõ trong hình ảnh thơ: “*Lòng sông gương sáng bụi không mờ*”. Vẻ đẹp trong sáng của dòng sông phản chiếu ánh trời hay phản chiếu tâm hồn của nhà thơ: trải qua bao ngày tháng bị dày ải trong tù, lương tâm cách mạng của Hồ Chí Minh vẫn sáng như gương không chút bụi. Từ đó, ta hiểu hai câu thơ “*Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh – Trông lại trời Nam nhớ bạn xưa*” đâu phải chỉ là chuyện “*dăng sơn ức hữu*” chung chung nào, mà là nỗi lòng canh cánh ngóng trông về Tổ quốc, nóng lòng mong mỗi được bay về với đồng bào, đồng chí ở phía trời Nam. Đây không phải tâm hồn của một ẩn sĩ mà của một chiến sĩ.

b. Tinh thần thép của nhà thơ:

- Hoàn cảnh ra đời của bài thơ cho ta biết: Bác Hồ leo núi đầu phải để du ngoạn, đây là cả cuộc luyện tập vất vả và gian nan, nặng nhọc lê đi từng bước, thân hình tiều tụy. Vậy mà hình ảnh trong thơ thật là ung dung, thanh thản, giống như một nhà hiền triết đang du ngoạn trên sườn non, giữa trời mây cao rộng (*Bồi hồi dạo bước... nhớ bạn xưa*). Đây là hình ảnh tinh thần của Hồ Chí Minh, con người tinh thần vượt hẳn lên trên mọi đau đớn thể chất. Mới biết cái phong độ ung dung kia thể hiện cả một nghị lực phi thường, một tinh thần “*thép*” vĩ đại.

III. KẾT BÀI:

- Bài thơ đẹp bởi sắc màu cổ điển khiến nó giống một bài Đường thi xưa. Nó lại càng đẹp hơn bởi tinh thần thời đại – và đây là điều mà thơ xưa không có.

⊕ 6: Độc Nhật kí trong tù của Hồ Chủ Tịch, nhà thơ Hoàng Trung Thông viết:

*“Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp
Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh
Văn thơ của Bác vẫn thơ thép
Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình”*

Em hiểu bốn câu thơ trên như thế nào? Chọn và phân tích những câu thơ tiêu biểu trong “Nhật kí trong tù” để làm sáng tỏ ý thơ trên.

* Bài làm

Giản dị và thực tế như cuộc sống đời thường, thơ văn Bác đi vào lòng người rất nhẹ nhàng, sâu sắc, mà khi đọc ta không thể nào quên; cũng như bao nhà thơ, nhà văn khác, khi đọc “*Nhật kí trong tù*”, nhà thơ Hoàng Trung Thông đã thực sự rung động trước cái hay, cái đẹp của từng bài thơ, lời thơ, ý thơ, để rồi cảm xúc trào dâng, ông viết:

*“Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp
Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh
Văn thơ của Bác vẫn thơ thép
Mà vẫn mệnh mang bát ngát tình”*

Nhà thơ Xuân Diệu khi đọc “Nhật kí trong tù” của Bác Hồ có lần đã nói: Càng đọc càng hay, càng kính trọng người tù – Hồ Chí Minh... Với Hoàng Trung Thông thì “trăm bài trăm ý đẹp” nghĩa là “Nhật kí trong tù” bài nào cũng “đẹp”. Không phải cái đẹp lặp lại, mà mỗi bài mỗi vẻ khác nhau. Tất cả đều đẹp. Tác giả lại viết “*ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh*”. Ta nên hiểu “*ánh đèn tỏa rạng*” ở đây như thế nào? Phải chăng ý nhà thơ muốn nói: “*ánh đèn*” chính là thơ Bác; thơ Bác như “*ánh đèn*” đã “*tỏa rạng*”, giúp cho ta hiểu thêm về Bác – một con người vĩ đại và dạy ta biết cách “*làm người*”.

Bởi vì:

*“Vần thơ của Bác vẫn thơ thép
Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình”*

Nhà thơ nói đó là những “*vần thơ thép*”; những vần thơ mang “*chất thép*” của con người cộng sản Hồ Chí Minh. “*Thép*” ở đây là ý chí, là nghị lực, là dũng khí lớn để vượt qua hoàn cảnh và khắc phục hoàn cảnh của một con người vĩ đại. Nhưng dù là “*thơ thép*” nhưng tình vẫn “*bát ngát mệnh mông*”. Đó mới là điều Hoàng Trung Thông cần nói và đã nói.

Có ý kiến cho rằng: linh hồn trong “*Nhật kí trong tù*” là vẻ đẹp tâm hồn của con người Hồ Chí Minh – Người cộng sản. Tâm hồn của một con người đích thực thì bao giờ cũng vượt lên trên mọi gian khổ, khó khăn để khẳng định chính mình:

*Chim mới về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết lò than đã rực hồng*
(Chiều tối)

Cũng phải nói ngay rằng, đây là một cảnh thực; là cảnh Bác đã phác họa trên đường bị giải, khi trời chiều đã bằng lảng; trên trời một cánh chim cô đơn đang bay mỗi một mà không biết sẽ đậu chốn nào “*về rừng tìm chốn ngủ*” và “*từng chòm mây, trôi nhẹ*” che mặt trời cũng sẽ tìm chỗ dừng chân (phía cuối trời). Vậy là con chim còn có đích để mà dừng (“*Về rừng*”) còn con người ở đây thì sao? Giữa cảnh âm u mịt mù của rừng núi hiểm trở không một phút được dừng chân. Tất cả chỉ còn là sự mỏi mệt, vội vã, sự uể oải đầy nặng nhọc. Tưởng như tất cả cảnh vật đã rất buồn và chìm đi trong bóng tối khi mà người tù cũng đã mỏi mệt. Nhưng không, chỉ bằng một từ “*hồng*” nhà thơ đã xóa sạch đi đêm tối bao trùm và ánh sáng màu hồng đã bao phủ toàn bộ bài thơ. Tất cả sự mỏi mệt, vội vã, sự nặng nhọc mà tác giả đã diễn tả ở trên không còn nữa; thay vào đó là niềm vui, là sự hân hoan hưởng về phía ánh sáng nơi có “*Cô em xóm núi xay ngô tối*”. Phải chăng đây còn là sự khao khát của con người xa quê, hưởng về cuộc sống và sự sinh hoạt bình thường mà đầm ấm của gia đình. Với câu cuối cùng, tất cả còn lại chỉ là một màu hồng; màu hồng làm sáng không gian, soi rõ hình ảnh của “*cô em xóm núi*” đang miệt mài lao động, phải chăng, đó cũng là màu hồng của tư tưởng Bác, là cái tình mệnh mông, bát ngát mà Bác dành cho con người, cho cảnh vật.

*Gà gáy một lần đêm chưa tan
Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn
Người đi cất bước trên đường thẳm
Rát mặt đêm thu, trận gió hàn*

(Khổ I, Giải đi sớm)

Có người cho rằng ở khổ I này, cảnh vật và con người đối nhau. Đúng như thế. Nhưng tuy đối nhau mà sự hòa hợp giữa tâm hồn rất đẹp, rất sáng của người tù với thiên nhiên lại thêm phần đẹp và ảo hơn. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt ấy, lòng lạc quan cách mạng vừa là phương thức để tồn tại, để vượt qua, vừa để khắc phục mọi hoàn cảnh. Đó là điều tất yếu, song cái chính vẫn là ở tâm hồn con người, ở ý nghĩa, ở niềm tin. Nói như Hoài Thanh đó là “*Cảnh ban mai tràn đầy khí thế*”.

*Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng
Bóng tối đêm tàn quét sạch không
Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.*

Nếu như không có một niềm tin sắt đá vào một tương lai tươi sáng, thử hỏi làm sao Bác có thể có được những giọng thơ tràn đầy hào khí đến thế ?

Trong bài “*cảnh chiều hôm*”, ý thơ chuyển sang một đề tài, một khía cạnh khác, nhưng cái chất “*thép*” và “*tình*” đặc biệt “*bát ngát mênh mông*” của Người vẫn không hề thay đổi:

*Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình
Hương hoa bay thấu vào trong ngục
Kể với tù nhân nổi bất bình*

Bài thơ nói rất thực về sự việc “*hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng*”. Vậy đấy! đẹp như hoa hồng mà nở rồi cuối cùng cũng phải tàn. Đó chẳng phải là sự vô tình của thiên nhiên? Nhưng đâu chỉ là thiên nhiên vô tình. Chất “*thép*” nằm ở chỗ nhận ra và phê phán thói vô tình này. Và sự bất bình của chút hương hoa chỉ có thể đem giải bày cùng người tù – người cộng sản vĩ đại, một nghệ sĩ, một nhà thơ. Ấu đó cũng là cái tình của Bác với hoa với nhân loại đau khổ vậy.

Người xưa có câu: “*Khi lo, lo trước thiên hạ, Khi vui, vui sau thiên hạ*”. Hồ Chí Minh cũng vậy, Người buồn với nỗi buồn của người đời. Người che chở cho cả “*nhân loại cần lao*”.

*Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta
Thương cuộc đời chung thương cỏ hoa
Chỉ biết quên mình cho hết thảy
Như dòng sông đổ nặng phù sa*

Một tâm hồn, một con người, một cuộc đời luôn yêu tất cả, chỉ quên mình. Đó là con người vĩ đại, sống hết mình, vì con người; vì vậy, khi làm thơ, dù trong hoàn cảnh khắc nghiệt, thơ Bác vẫn là “*văn thơ thép*”, “*Mà vẫn mênh mông bát ngát tình*”.